

Ghi chú:

(1): Nhà thầu liệt kê đầy đủ các hàng hóa nhà thầu phải đề xuất trong E-HSDT tại bảng trên.

(2), (3), (4), (5), (7): Nhà thầu kê khai đầy đủ các thông tin về hàng hóa chào thầu tương ứng với các nội dung được yêu cầu trong Hồ sơ mời thầu. Trường hợp hàng hóa đã được nhà sản xuất công bố cụ thể ký mã hiệu thì nhà thầu phải chào cụ thể và duy nhất 01 ký/mã hiệu, nhãn hiệu, nhà sản xuất và xuất xứ đề xuất sử dụng cho gói thầu, không được ghi “ hoặc tương đương”.

(6): Nhà thầu dẫn chiếu đầy đủ các yêu cầu về vật tư, thiết bị tại Hồ sơ mời thầu.

(8): Nhà thầu phải dẫn chứng tại trang nào, phần nào, mục nào, tài liệu nào của E-HSDT đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong E-HSMT, để Tổ chuyên gia tham chiếu khi xem xét đánh giá E-HSDT. Trường hợp nhà thầu không trình bày đầy đủ thông tin theo yêu cầu nêu trên, Tổ chuyên gia có quyền không xem xét đề xuất của nhà thầu do không có thông tin, căn cứ, tài liệu để xem xét, đánh giá. Tổ chuyên gia có quyền kiểm chứng lại các nội dung do nhà thầu đề xuất trên website của nhà sản xuất/đại lý phân phối được ủy quyền hợp lệ của nhà sản xuất để xem xét. Nếu Tổ chuyên gia không tìm thấy các thông tin về hàng hóa trên website hoặc có thông tin nhưng các thông tin này sai lệch về kỹ thuật so với tài liệu do nhà thầu cung cấp trong E-HSDT dẫn đến không đủ cơ sở để đánh giá tính đáp ứng kỹ thuật của hàng hóa dự thầu thì nhà thầu phải chấp nhận kết quả đánh giá của Tổ chuyên gia.

Đối với bảng này, để thuận tiện cho quá trình đánh giá E-HSDT, trong E-HSDT Nhà thầu cần cung cấp các file định dạng .doc/docx/xls/xlsx để chứng minh tính đáp ứng của hàng hóa dự thầu với yêu cầu của E-HSMT.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các tài liệu mô tả nhãn hiệu, xuất xứ, đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu. Hàng hóa cung cấp phải đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật như sau:

Bảng số 02: Yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa

STT	Mô tả hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương của Nhãn hiệu/Hãng sản xuất
1	Sào cách điện 110kV (*)	Tufpoles TP-301 hoặc tương đương
2	Sào tiếp địa (dài 3,2 mét) (*)	Hasting 8210 hoặc tương đương
3	Sào tiếp địa (dài 2,6 mét) (*)	Hasting 8208 hoặc tương đương
4	Sào thao tác (9,14 mét) (*)	Hasting HV 230 hoặc tương đương
5	Găng tay cách điện trung thế 26,5kV (size LL) (*)	Yotsugi 26,5KV hoặc tương đương
6	Găng tay cách điện hạ thế 1kV (size LL) (*)	Yotsugi 1 KV hoặc tương đương

STT	Mô tả hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương của Nhân hiệu/Hãng sản xuất
7	Ủng cách điện trung thế (Size 42) (*)	Yotsugi 26,5KV hoặc tương đương
8	Thảm cách điện 1x1m 22kV (*)	Vicadi 22KV-VN hoặc tương đương
9	Bộ quần áo chống hồ quang điện, size M, dùng đóng điện tủ hợp bộ 24kV (*)	KIT-40 SPL/Salisbury hoặc tương đương
10	Găng tay da dê bảo vệ lớp ngoài 10- 10H, size 10 (ILPG10/10)	Salisbury hoặc tương đương
11	Băng keo dán cảnh báo khu vực nguy hiểm tủ hợp bộ, tủ CRP	Việt Nam
12	Biển báo an toàn các loại (quy cách theo thông tư 31/2014/TT-BCT ngày 02/10/2014), 1 lô gồm các biển báo: - Cấm vào! Điện cao áp nguy hiểm chết người. - Cấm lại gần! Có điện nguy hiểm chết người. - Cấm đóng điện! Có người đang làm việc. - Dừng lại! Có điện nguy hiểm chết người. - Chú ý! Phía trên có điện - Làm việc tại đây - Vào hướng này - Đã nổi đất	BAT-VN hoặc tương đương
13	Dây an toàn (có dây choàng trụ) (*)	Adela hoặc tương đương
14	Nón BHLĐ (màu trắng)	Bullard S51R hoặc tương đương
15	Dây lược bố Φ 16	Việt Nam
16	Băng nhựa làm rào chắn an toàn rộng 10cm (100m/cuộn)	AB100 hoặc tương đương
17	Kính bảo hộ lao động	Honeywell S200A hoặc tương đương
18	Ủng đi mưa	Việt Nam
19	Găng tay vải	Việt Nam
20	Túi đựng sào thao tác và sào tiếp đất	Việt Nam
21	Máy hút bụi 25 lít, 2300W	HITACHI CV-995DC hoặc tương đương
22	Bảng từ trắng 1.2×3.0m viết bút lông	Việt Nam

STT	Mô tả hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương của Nhân hiệu/Hãng sản xuất
23	Ổ cắm điện (Loại 8 ổ cắm Dây dài 5M)	ZM804 Huntkey hoặc tương đương
24	Ổ cắm điện (Loại 5 ổ cắm dây dài 5M)	PZC50 Huntkey hoặc tương đương
25	Đèn pin đội đầu	Sunceesa K29 hoặc tương đương
26	Đèn pin sạc siêu sáng 30W	TD-6000S hoặc tương đương
27	Ống nhôm ngày đêm Laser 8x32	KONUS hoặc tương đương
28	Bộ đàm di động 3G/LTE-4G	Motorola DP8668 hoặc tương đương
29	Bút thử điện hạ áp	Stanley hoặc tương đương
30	Ổ cắm kéo dài quay tay kiểu Rulo - 15A 20m dây 15A	Lioa hoặc tương đương
31	Ampe kìm AC/DC	KYORITSU 2009R hoặc tương đương
32	Đo điện trở đất	Kyoritsu 4202 hoặc tương đương
33	Bút thử điện cao thế (50V - 132kVAC)	SEW 277HP hoặc tương đương
34	Thiết bị cảnh báo điện áp (110V - 22.8kVAC)	SEW 287SVD hoặc tương đương
35	Bút thử điện DC trung thế (Có dây nối đất đi kèm DC: 50V – 7kV)	Hasegawa HSN-6A1 hoặc tương đương
36	Tiếp địa di động cao thế 110kV có dây đồng mềm $\geq 35\text{mm}^2$ (dài 8m tính từ mỏ vẹt dây pha với mỏ vẹt kẹp dây trung tính) (*)	
37	Tiếp địa di động trung thế 22kV có dây đồng mềm $\geq 25\text{mm}^2$ (dài 4m tính từ mỏ vẹt dây pha với mỏ vẹt kẹp dây trung tính) (*)	
38	Bộ tiếp đất lưu động hạ thế dùng cho Aptomat (dây đồng mềm tiết diện 25mm^2 sd kẹp vào MCCB)	
39	Bộ tiếp đất lưu động hạ thế dùng cho dây cáp bọc (dây đồng mềm tiết diện 25mm^2 sd kẹp vào dây)	
40	Máy vặn bulong pin	Makita DTW285 hoặc tương đương

STT	Mô tả hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương của Nhân hiệu/Hãng sản xuất
41	Máy cắt đa năng dùng pin (18V)	Makita DTM51RFE10 hoặc tương đương
42	Máy vặn vít pin	Bosch GSB 120LI hoặc tương đương
43	Cờ lê vòng miệng tự lắ D8 - 32 (17 chi tiết)	Genius hoặc tương đương
44	Bộ chìa khóa vòng miệng (7 chi tiết cờ lê 8-10-12-13-14-17-19mm)	ATON hoặc tương đương
45	Bộ tuýp hệ mét 30 chi tiết 770	ELORA hoặc tương đương
46	Tẩu đuôi chuột 12 – 14	Licota 12-14 hoặc tương đương
47	Tẩu đuôi chuột 13 – 17	Licota 13-17 hoặc tương đương
48	Tẩu đuôi chuột 19 – 24	Licota 19-24 hoặc tương đương
49	Tẩu đuôi chuột 24 – 30	Licota 24-30 hoặc tương đương
50	Mỏ lết D – 400	Top hoặc tương đương
51	Bộ vít 7 cái cách điện 1000V hệ mét	Kingtony 30617MR hoặc tương đương
52	Bộ Vít Cách Điện 13 Món	Tolsen 38016 hoặc tương đương
53	Bộ tua vít dẹp và bake 10 chi tiết	Total THT250610 hoặc tương đương
54	Bộ tô vít và đầu bit chuyên đổi 39 chi tiết	KS Tools hoặc tương đương
55	Bộ Kềm 3 cây	Stanley STHT90162-8 hoặc tương đương
56	Búa tạ cán nhựa	Tolsen 25013 hoặc tương đương
57	Búa sừng dê nguyên khối	Tolsen 25171 hoặc tương đương
58	Thước cuộn 10m	Luxtop hoặc tương đương
59	Thước cuộn 3m	Luxtop hoặc tương đương
60	Thước cuộn 50m	Luxtop hoặc tương đương
61	Thước cặp điện tử chống nước IP67 (0-200mm/0.01mm)	Mitutoyo hoặc tương đương
62	Túi đựng dụng cụ sửa chữa 31 túi hờ miệng 490×230×280mm	YATO YT-7435 hoặc tương đương
63	Cửa sắt (Khung và lưới cửa)	Berrylion hoặc tương đương
64	Hộp đựng đồ nghề cầm tay	Tajima EBS-30 hoặc tương đương
65	Xà beng dài 1m D24-30 (Đầu dẹp và đầu nhọn)	D30x1500 hoặc tương đương
66	Thang nhôm rút đôi	NIKAWA NK-56AI hoặc tương đương

STT	Mô tả hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương của Nhân hiệu/Hãng sản xuất
67	Thang cách điện chữ A	Nikawa NKJ-6C hoặc tương đương
68	Bộ lục giác đầu bi dài 9 chi tiết	Stanley 69256 hoặc tương đương
69	Bộ tua vít dẹt, bake 8 món	TUL-080-870/Toptul hoặc tương đương
70	10" (254mm) Kìm bấm chết cán đen Truper 17436 (PPT-10CX)	Truper hoặc tương đương
71	Kềm điện 5 chức năng dài 225mm	Keiba ET508 hoặc tương đương
72	Kềm cắt	Stanley 84009 hoặc tương đương
73	Kềm điện mở nhọn	Stanley 84007 hoặc tương đương
74	Kềm điện 9"	Black Hand BH-398 hoặc tương đương
75	Kềm điện	BUDDY A0105 hoặc tương đương
76	Búa nhỏ đỉnh cán gỗ	Stanley 51373 hoặc tương đương
77	Mỏ lết hệ mét 375mm	YT-21654Yato hoặc tương đương
78	Kéo cắt nhôm	Xinya J30 hoặc tương đương
79	Kéo cắt cáp muller	Juli TC250-tương đương
80	Puly nhôm DL	D150 hoặc tương đương
81	Dao rọc cáp FatMax Xtreme Stanley 10-789	Stanley 10-789-tương đương
82	Đầu khò gas mini hàn thau	KT-2108-ANTECH hoặc tương đương
83	Kích lắc tay 1 tấn	Nito _ VR-10 hoặc tương đương
84	Bộ đầu tuýp 1/4", 3/8" & 1/2" 215 cái bộ dụng cụ sửa chữa	YT-38841-Yato hoặc tương đương
85	Bộ tuốc nơ vít cách điện 50 chi tiết	YT-28293-Yato hoặc tương đương

(*) Các vật tư nhà thầu phải kiểm định trước khi bàn giao hàng hóa. Ngoài ra, trong trường hợp vật tư, thiết bị khác tại bảng trên theo quy định phải thực hiện kiểm định, nhà thầu cung cấp đầy đủ tài liệu khi giao hàng.

- Nhân hiệu, tên nhà sản xuất hàng hóa nêu trong E-HSMT (nếu có) chỉ mang tính tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa, không phải tiêu chuẩn đánh giá, nhà thầu có thể chào hàng hóa của hãng khác có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn các hàng hóa nêu trên về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ. Nhà thầu phải lập bảng liệt kê thông số kỹ thuật hàng hóa dự thầu.

- Catatogue kỹ thuật của hàng hoá (bằng Tiếng Anh hoặc Tiếng Việt) hoặc tài liệu tương đương phải có đầy đủ thông số kỹ thuật.

- Khái niệm “Tương đương” nghĩa là hàng hóa có đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ tương tự với hàng hóa đã nêu.

- Nhà thầu phải đề xuất cụ thể và duy nhất một ký mã hiệu (nếu có), nhân hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhân hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất thì E-HSMT của nhà thầu không được xem xét, đánh

giá. Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin kê khai trong Bảng số 1 so với tài liệu đính kèm thì thông tin trong Bảng số 1 là cơ sở để xem xét, đánh giá, trừ trường hợp ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, hăng sản xuất kê khai tại Bảng số 1 Chương V không tồn tại trên thị trường.

- Trường hợp có thông số kỹ thuật trong E-HSMT yêu cầu nhưng không thể hiện trên catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật thì nhà thầu phải cung cấp bảng kê và xác nhận của nhà sản xuất hoặc nhà phân phối, đại lý ủy quyền chính hãng (phải cung cấp kèm theo tài liệu chứng minh là nhà phân phối, đại lý ủy quyền chính hãng kèm theo).

- Đối với vật tư, thiết bị có quy định về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà không bao gồm xuất xứ Việt Nam thì vật tư, thiết bị xuất xứ Việt Nam vẫn được xem xét, đánh giá.

- Trường hợp yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ thì nhà thầu phải chào theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam; nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ (nếu có) theo yêu cầu của E-HSMT hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại. Trường hợp chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu chào xuất xứ Việt Nam theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 của Luật Đấu thầu thì nhà thầu chào hàng hóa không phải là xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại.

- Trường hợp nhà thầu chào nhiều hăng sản xuất cho nhiều hơn một đơn vị tính của thiết bị (hai cái, hai chiếc...) thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định số lượng tương ứng với từng hăng sản xuất. Trường hợp nhà thầu chào nhiều hăng sản xuất cho một đơn vị tính của thiết bị (một cái, một chiếc...) thì E-HSMT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

- Nhà thầu cung cấp tài liệu kỹ thuật (như catalogue/datasheet/hướng dẫn sử dụng, xác nhận của hãng sản xuất/nhà phân phối tại Việt Nam hoặc các tài liệu tương tự) để đánh giá thông số kỹ thuật. Đối với tài liệu có ngôn ngữ khác với tiếng Việt phải kèm theo bản dịch ra tiếng Việt (có xác nhận của đơn vị dịch thuật độc lập) và nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác giữa bản gốc và bản dịch. Trường hợp E-HSMT thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết). (Không yêu cầu thông tin về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn hàng hóa đối với các phụ kiện lắp đặt).

c) Yêu cầu khác:

- Hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp.

- Hàng hóa mới 100%.

- Đối với hàng hóa nhập khẩu: Cung cấp chứng từ nhập khẩu, Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O), Giấy chứng nhận chất lượng hàng hoá (C/Q) tại thời điểm giao hàng.

- Tiến độ cung cấp hàng hóa:

+ Giao hàng nhiều đợt trong 12 tháng (theo yêu cầu đặt hàng của chủ đầu tư bằng văn bản, fax, email hoặc điện thoại).

+ Giao hàng trong vòng 01-03 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu đặt hàng.

- Thời gian bảo hành (tính từ thời điểm nghiệm thu bàn giao hàng hóa theo từng đợt đặt hàng):

+ Đổi trả và cung cấp lại hàng hóa mới 100% nếu hàng hóa không đạt yêu cầu về thông số kỹ thuật, quy cách, chất lượng (Thời gian đổi trả hàng hóa không đạt yêu cầu: trong vòng 12 giờ kể từ khi nhận được thông báo của chủ đầu tư).

Mục 2. Bản vẽ:

- Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm:

- Kiểm tra chất lượng hàng hóa.
- Kiểm tra các chứng từ hàng hóa.
- Kiểm định theo tiêu chuẩn hiện hành của Nhà nước (nếu có theo quy định).